

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 49/2017/DS-GĐT

Ngày 07/7/2017

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà;

Các Thẩm phán: Ông Lê Tụ và ông Vũ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ninh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1973; trú tại thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1959; trú tại thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Lê Thị U, sinh năm 1962; trú tại đường T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/2/2012 (Tòa án nhân dân huyện Krông Buk nhận đơn ngày 24/4/2013) và trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: Ngày 13/5/2012, Bà cho ông L, bà U vay 212.560.000 đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 13/12/2012, lãi suất 2,1%/tháng (Hợp đồng vay tiền đề ngày 15/5/2012, nhưng nội dung hợp đồng thể hiện “*thời hạn cho vay là 07 tháng kể từ ngày 13/5/2012*” và phần cuối hợp đồng ghi “*xã E, Ngày 13 tháng 5 năm 2012*”. Ủy ban nhân dân xã E, huyện K chứng thực ngày 15/5/2012). Đến hạn Bà đòi nhiều lần, nhưng ngày 03/3/2013, bà U chỉ trả 20.000.000 đồng tiền lãi,

nên nay Bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà U trả số tiền vay trên và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị U trình bày: Ngày 13/9/2009, Ông và Bà vay bà H 70.000.000 đồng, ngày 02/10/2009 vay bà H 45.000.000 đồng. Ông, Bà đã phải trả bà H mức lãi suất cao (ông L khai trả 4.000 đồng/ngày đối với khoản vay 70.000.000 đồng, trả 25.000 đồng/ngày với khoản vay 45.000.000 đồng); số tiền lãi mà Ông, Bà trả thiếu thì bà H cộng dồn vào gốc và bà H tính đến ngày 24/3/2011 Ông, Bà nợ bà H 179.000.000 đồng nên buộc Ông, Bà ký *Giấy nhận và khát nợ* (bút lục 17). Bà H tiếp tục cộng dồn lãi vào gốc nên đến ngày 13/5/2012 thì Ông, Bà nợ bà H 302.560.000 đồng, do Ông, Bà trả bà H thêm 10.000.000 đồng tiền mặt và “...sang nhượng cho bà H tám mét đất với tổng diện tích là 480m² với giá thỏa thuận là 80.000.000 đồng...”, nên bà H buộc Ông, Bà ký *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012 (bút lục 16) thừa nhận nợ bà H 212.560.000 đồng. Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 13/5/2012, Ông, Bà trình bày có ký vào hợp đồng này do bị bà H ép buộc, còn Ông, Bà không có nhận số tiền 212.560.000 đồng theo hợp đồng vay tiền nêu trên. Nay Ông, Bà đề nghị Tòa án xem xét việc đã phải trả bà H mức lãi suất cao với số tiền lãi đã trả theo ông L là 125.425.000 đồng (có lúc khai là 123.500.000 đồng), theo bà U là 123.500.000 đồng (có lúc khai là 138.000.000 đồng).

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2013/DSST ngày 27/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 25, Điều 79, Điều 131, Điều 238 BLTTDS. Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị H.

Buộc ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị U phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hà Thị H số tiền vay gốc là 212.560.000 đồng và tiền lãi 11.780.420 đồng. Tổng cộng cả hai khoản là 224.340.420 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 09/10/2013, ông L và bà U kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2014/DS-PT ngày 10/3/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị H về việc buộc ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị U phải trả số tiền 212.560.000 đồng và tiền lãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 19/4/2014, bà Hà Thị H có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2017/KN-DS ngày 23/02/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2014/DS-PT ngày 10/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2013/DSST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà H xuất trình chứng cứ là *Hợp đồng vay tiền* đề ngày 13/5/2012 để đòi nợ ông L, bà U. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà H trình bày khoản cho vay 212.560.000 đồng ngày 13/5/2012 không liên quan đến các khoản Bà cho ông L, bà U vay ngày 13/9/2009 (70.000.000 đồng) và ngày 02/10/2009 (45.000.000 đồng). Tuy nhiên, tại đơn đề nghị giám đốc thẩm ngày 19/4/2014 thì bà H lại trình bày khoản cho vay 212.560.000 đồng ngày 13/5/2012 nêu trên xuất phát từ *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012.

Xem xét nội dung *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012 thì thấy: Ông L, bà U thừa nhận đến ngày 13/5/2012 có nợ bà H 302.560.000 đồng; ông L, bà U trả bà H thêm 10.000.000 đồng tiền mặt và trả bà H bằng việc chuyển nhượng “...*tám mét đất với tổng diện tích là 480m² với giá thỏa thuận là 80.000.000 đồng*”; còn nợ 212.560.000 đồng và cam kết “...*sẽ trả số tiền trên cho bà H vào ngày 13/12/2012 có hợp đồng vay tiền cụ thể*”.

Như vậy, số tiền còn nợ 212.560.000 đồng và hạn trả nợ vào ngày 13/12/2012 tại *Hợp đồng vay tiền* hai bên ký kết ngày 13/5/2012 giống như *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012. Sau khi hai bên lập *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012 thì lập *Hợp đồng vay tiền* ngày 13/5/2012 theo thỏa thuận hai bên như bà H trình bày tại đơn đề nghị giám đốc thẩm nêu trên. Trong trường hợp này cần tổ chức cho bà H cùng ông L, bà U đối chất làm rõ số tiền ông L, bà U nợ bà H đến ngày 13/5/2012 là 302.560.000 đồng (thể hiện tại *giấy trả nợ tiền*) có phải xuất phát từ hai khoản vay 70.000.000 đồng vào ngày 13/9/2009 và 45.000.000 đồng vào ngày 02/10/2009 rồi đến *Giấy nhận và khất nợ* ngày 24/3/2011 như trình bày của ông L, bà U hay không? Và số tiền 212.560.000 đồng tại *Hợp đồng vay tiền* ngày 13/5/2012 có nguồn gốc từ khoản nợ 302.560.000 đồng tại *Giấy trả nợ* ngày 13/5/2012 như bà H trình bày nêu trên hay không? Nếu lãi suất mà ông L, bà U đã trả bà H vượt quá lãi suất quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì cần tính lại mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà U. Trường

hợp số nợ 302.560.000 đồng tính đến ngày 13/5/2012 không xuất phát từ hai khoản vay 70.000.000 đồng ngày 13/9/2009 và 45.000.000 đồng ngày 02/10/2009 thì cần yêu cầu bà H chứng minh cho ông L, bà U vay khi nào, cho vay bao nhiêu, trả gốc lãi thế nào để tính đến ngày 13/5/2012 ra số nợ 302.560.000 đồng nêu trên?

Trong khi chưa làm rõ các vấn đề nêu trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định khoản vay 212.560.000 đồng này độc lập với khoản vay 70.000.000 đồng ngày 13/9/2009 và khoản vay 45.000.000 đồng ngày 02/10/2009, từ đó buộc ông L, bà U trả bà H 212.560.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền gốc này; còn Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng bà H không chứng minh được việc ngày 13/5/2012 có giao cho ông L, bà U 212.560.000 đồng, nên bác yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà H đều là chưa đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1- Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 36/2014/DS-PT ngày 10/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2013/DSST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Hà Thị H với bị đơn là ông Nguyễn Trọng L và bà Lê Thị U.

2- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để b/c);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (Văn phòng); Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Hà